

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06** /NQ-CP

Hà Nội, ngày **07** tháng **3** năm **2012**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ  
nhiệm kỳ 2011-2016**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá XIII;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Thành viên Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, TH (Sb). **251**

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA CHÍNH PHỦ NHIỆM KỲ 2011-2016**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-CP*  
*ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ)*

Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016 được xây dựng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, các nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quốc hội khóa XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015; trong đó, những năm đầu của kế hoạch 5 năm 2011-2015 tập trung thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý, tiến hành tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; những năm cuối, nếu có điều kiện thuận lợi sẽ phát triển ở mức cao hơn để bình quân 5 năm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội Đảng đề ra. Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016 tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

**Phần thứ nhất**

**NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**  
**CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**I. Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững**

a) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhằm ổn định giá trị đồng tiền thể hiện bằng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng; vận hành các công cụ chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường nhằm kiểm soát lượng cung tiền cho nền kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại các ngân hàng thương mại, củng cố, lành mạnh hóa hệ thống các tổ chức tín dụng; áp dụng các thông lệ và chuẩn mực mới phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam. Hiện đại hoá và từng bước hoàn thiện hệ thống thanh toán, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế. Tăng khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xuất khẩu, chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng, tạo việc làm thu nhập cho người lao động. Kiên quyết khắc phục tình trạng đô la hóa; thiết lập trật tự kỷ cương trong việc sử dụng ngoại tệ.

b) Sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính công và thực hiện chính sách tài khóa minh bạch. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống thuế theo hướng giảm tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước, tạo cơ sở cho việc hình thành tỷ lệ và cơ cấu thu hợp lý. Quản lý, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính.

Thực hiện đổi mới các chính sách chi tiêu công, gắn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm với việc xây dựng kế hoạch tài chính và chi tiêu trung hạn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính đối với khu vực sự nghiệp công và doanh nghiệp nhà nước. Kiểm tra, giám sát và kiểm toán chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước ở các đơn vị sử dụng ngân sách. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý của từng cấp, từng đơn vị; công khai tài chính doanh nghiệp nhà nước, các quỹ tài chính ở địa phương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Giám sát chặt chẽ tình hình nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

c) Thực hiện chính sách giá cả phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đổi mới hoàn thiện cơ chế quản lý giá, bảo đảm các nguyên tắc cạnh tranh, kiểm soát độc quyền. Tiếp tục thực hiện xóa bao cấp qua giá, thực hiện các cam kết WTO về không trợ giá, bù giá các mặt hàng xuất khẩu. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, kiểm soát chặt chẽ việc đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán theo giá được niêm yết, khắc phục tình trạng đầu cơ, nâng giá quá cao so với giá trị thực của hàng hóa dịch vụ, ảnh hưởng đến lợi ích người tiêu dùng. Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân.

d) Tăng cường công tác phân tích và dự báo vĩ mô. Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu phục vụ công tác đánh giá tình hình và xây dựng chính sách kinh tế - xã hội; xây dựng cơ chế phối hợp; tăng cường năng lực cán bộ các ngành, các cấp trong việc theo dõi, đánh giá và dự báo để phục vụ công tác xây dựng và điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cũng như cảnh báo kịp thời các tác động tới nền kinh tế.

đ) Bảo đảm phối hợp tốt việc xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô; gắn kết chặt chẽ, đồng bộ trong việc xây dựng và thực thi các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

## **2. Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh**

Cùng với việc tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giữa các ngành và trong nội bộ từng ngành, từng lĩnh vực, trong nhiệm kỳ 2011-2016 cần tập trung tái cơ cấu nền kinh tế ở 3 lĩnh vực quan trọng nhất là: tái cơ cấu đầu tư; tái cơ cấu hệ thống tài chính; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

a) Tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công theo hướng giảm dần tỷ trọng và nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ; ban hành cơ chế, chính sách để huy động mạnh các nguồn vốn thuộc mọi thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu các ngành kinh tế và phân bổ lại lực lượng sản xuất trên từng vùng lãnh thổ.

Tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ; tập trung vốn cho các công trình kết cấu hạ tầng, các dự án cấp thiết,

sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả; ưu tiên bố trí vốn cho các công trình cần thiết, cấp bách phải hoàn thành và vốn đối ứng cho các dự án ODA; kiểm soát chặt chẽ, xác định rõ nguồn vốn đối với các dự án, công trình khởi công mới. Sửa đổi quy chế phân cấp quản lý đầu tư, trước hết là đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ, bảo đảm quản lý thống nhất của trung ương về mục tiêu và danh mục, đồng thời phát huy sự năng động, sáng tạo của địa phương trong đầu tư phát triển.

Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, định hướng thu hút đầu tư, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; nâng cao chất lượng quy hoạch và kiên quyết thực hiện đầu tư theo quy hoạch.

b) Tái cơ cấu hệ thống tài chính mà trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô, nâng cao chất lượng tín dụng và củng cố năng lực hoạt động của các ngân hàng thương mại, kiểm soát chặt chẽ nợ xấu, bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống.

Xây dựng cơ chế, chính sách để những ngân hàng có điều kiện phát triển mở rộng phạm vi hoạt động, đủ sức cạnh tranh trong nước và quốc tế. rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về mua bán, sáp nhập và khuyến khích việc tự nguyện hợp nhất để có thêm những ngân hàng lành mạnh về tài chính, đa dạng về sản phẩm dịch vụ và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh. Từng bước giảm tỷ lệ cung cấp vốn cho đầu tư phát triển từ hệ thống ngân hàng thương mại, tăng tỷ trọng huy động vốn từ thị trường chứng khoán và phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Khuyến khích các ngân hàng mở rộng địa bàn hoạt động phục vụ nông nghiệp và nông thôn.

Cùng với cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, tiến hành cơ cấu lại và phát triển mạnh các thị trường tài chính khác như thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, thị trường bảo hiểm và các quỹ đầu tư theo tiêu chuẩn quản lý phù hợp với thông lệ quốc tế để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Thực hiện công khai, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các định chế tài chính này.

c) Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước là yêu cầu cấp thiết.

Tiến hành phân loại doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở xác định rõ vai trò của Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước để thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại theo ngành, lĩnh vực kinh doanh, không phân biệt cấp quản lý. Cơ cấu lại từng doanh nghiệp nhà nước một cách toàn diện về mô hình tổ chức, quản lý, tài chính, kế hoạch sản xuất, kinh doanh đầu tư phát triển, cơ cấu sản phẩm, nguồn nhân lực; hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu và người quản lý trong doanh nghiệp có vốn nhà nước, về cơ chế quản lý vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, cơ chế giám sát, kiểm tra và chế tài xử lý.



Thực hiện công khai, minh bạch hóa tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; từng bước tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, kiểm soát độc quyền, đồng thời có cơ chế, chính sách thúc đẩy tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp dân doanh. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chỉ tập trung hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính; thực hiện xong việc thoái vốn đã đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính trước năm 2015.

### **3. Phát triển các ngành, lĩnh vực**

Xây dựng các cơ chế, chính sách trong từng ngành, lĩnh vực để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, phát huy tối đa tiềm năng và hiệu quả đem lại. Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động. Tăng cường liên kết, khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế; tạo điều kiện cho phát triển và phát huy vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm, tạo sức lan tỏa, phát triển các vùng kinh tế khác.

a) Chuyển dịch mạnh cơ cấu công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Phát triển những ngành có tính nền tảng, lợi thế so sánh và có ý nghĩa với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng phân phối toàn cầu. Ưu tiên phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tập trung phát triển ngành năng lượng, phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, có nhiều sản phẩm xuất khẩu. rà soát và hạn chế tối đa việc thành lập thêm các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế, khu công nghiệp để đầu tư tập trung; trong từng khu phải sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, theo lộ trình để có thể sớm đưa vào sử dụng; đồng thời phải quan tâm xây dựng công trình phúc lợi phục vụ người lao động làm việc trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Tiếp tục thực hiện quy hoạch tổng thể đô thị, các chương trình phát triển đô thị quốc gia đã ban hành. Tập trung nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, kiểm soát chặt chẽ công tác phát triển đô thị theo quy hoạch; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng hạ tầng khung tại các đô thị.

b) Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn; bảo đảm phát triển bền vững, sản xuất hàng hóa lớn kết nối với chuỗi giá trị toàn cầu, áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài; chuyển từ phát triển theo số lượng sang nâng cao chất lượng và hiệu quả; gắn phát triển sản xuất với nâng cao thu nhập và mức sống của nông dân. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất công nghiệp. Phát triển các loại rừng nguyên liệu, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; quy hoạch và phát triển có hiệu quả nghề muối;

khai thác bền vững, hiệu quả các nguồn lợi thủy, hải sản, phát triển đánh bắt hải sản xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển. Đẩy mạnh Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển bền vững.

c) Phát triển khu vực dịch vụ hiệu quả, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, để khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP. Tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, có tiềm năng và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh dịch vụ trên thị trường nội địa, khu vực và thế giới; đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực dịch vụ, tăng cường sự hợp tác giữa các lĩnh vực dịch vụ để cùng cạnh tranh và phát triển.

d) Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng để phát triển cân đối và bền vững. rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển. Hoàn thiện một bước cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng để kết nối các vùng miền. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan toả đến các vùng khác; đồng thời, tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khu vực biên giới, hải đảo, Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía Tây các tỉnh miền Trung. Từng bước giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống của dân cư giữa các vùng.

đ) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại. rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính, ổn định chính sách và luật pháp khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển; huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế bằng các cơ chế và hình thức đầu tư thích hợp, như: BOT, BT, BTO, PPP,... để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Xây dựng các chính sách, chiến lược rõ ràng trong thu hút vốn FDI và vốn ODA. Hoàn thiện quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng cả nước, trong từng vùng, bảo đảm sử dụng tiết kiệm các nguồn lực và hiệu quả tổng thể của nền kinh tế, bảo vệ môi trường.

e) Tăng cường các biện pháp đẩy mạnh cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước để giữ vững và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng chỉ giữ lại những tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có quy mô lớn, hoạt động trong những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, cơ cấu lại vốn và tài sản của doanh nghiệp nhà nước. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân, tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và khuyến khích tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã.

#### **4. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan nhà nước chuẩn bị tốt việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Tập trung xây dựng các dự án luật, pháp lệnh theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII và hàng năm, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Ưu tiên đưa vào chương trình các dự án luật liên quan đến ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, bao gồm: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Đổi mới quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng thống nhất quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở trung ương và địa phương, thu gọn các hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên tiên hành hệ thống hóa, pháp điển quy phạm pháp luật; rà soát nhằm phát hiện kịp thời và chủ động sửa đổi, bổ sung những bất cập, hạn chế của các đạo luật và văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung nhằm tiến tới một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, để tiếp cận và áp dụng, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Tập trung vào một số trọng tâm sau:

- Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về đất đai bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, của người sử dụng đất, của người giao lại quyền sử dụng đất và của nhà đầu tư; đổi mới, hoàn thiện thể chế để các quyền về đất đai, bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường, trở thành nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh; gắn việc quản lý đất đai với quản lý và phát triển đô thị, phát triển thị trường bất động sản, khắc phục tình trạng lãng phí và tham nhũng đất đai.

- Bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty. Sớm hoàn thiện thể chế quản lý hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu, trong đó khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới, như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu... Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển và vận hành lành mạnh, hiệu quả các loại thị trường chứng khoán, tài chính, lao động; có chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ sự hình thành và phát triển thị trường khoa học - công nghệ.



## **5. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học - công nghệ và kinh tế tri thức**

a) Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển đất nước, góp phần tích cực thực hiện tăng trưởng kinh tế theo mô hình mới, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tất cả các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các địa phương, các doanh nghiệp, các cơ quan sử dụng lao động cùng có trách nhiệm phối hợp chăm lo đào tạo, phát triển nhân lực phù hợp với nhu cầu lao động qua đào tạo, lao động trình độ cao của mỗi ngành, địa phương. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Cùng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục thể chất. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, gắn với đổi mới quy chế thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên; đổi mới công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng thiết thực, hiệu quả và công bằng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học, trong công tác quản lý; mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ với mục tiêu hiệu quả, tính ứng dụng cao. Thực hiện nghiêm việc chấn chỉnh thành lập các trường đại học; tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trong cả nước, bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Phát triển giáo dục đại học theo chiều sâu gắn với chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đầu tư xây dựng một số cơ sở giáo dục, đào tạo đạt trình độ quốc tế. Đổi mới mạnh mẽ trong đào tạo pháp luật, các chức danh tư pháp, tạo nguồn nhân lực về pháp luật, tư pháp chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tạo sự đột phá về chất lượng dạy nghề, đầu tư xây dựng các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề chất lượng cao; trong đó, ưu tiên đầu tư một số nghề đạt chuẩn tương đương khu vực, quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cao cho các doanh nghiệp, ngành kinh tế mũi nhọn và xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đề Huy động tối đa sự tham gia của doanh nghiệp trong việc phát triển dạy nghề.

b) Tập trung đầu tư có trọng điểm cho khoa học kỹ thuật và công nghệ để phục vụ trực tiếp cho mục tiêu đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; tạo ra các sản phẩm quốc gia có năng suất và giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ cao; hình thành hệ thống doanh nghiệp khoa



học và công nghệ. Nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, năng lực sáng tạo và đổi mới công nghệ, tăng tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ để thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đổi mới căn bản cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ. Tập trung xây dựng một nền khoa học và công nghệ có trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực. Xây dựng chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài để phát triển đất nước.

**6. Chăm lo phát triển toàn diện các lĩnh vực lao động việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân**

a) Bảo đảm phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân. Đẩy mạnh giảm nghèo, trong đó chú trọng các huyện nghèo, các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; gắn giảm nghèo với tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động để thoát nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về an sinh xã hội; tập trung cải cách chính sách bảo hiểm nhằm tăng nhanh tỷ lệ dân số được tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng bền vững, hiện đại và hội nhập, bảo đảm an sinh xã hội cho tất cả mọi người. Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp để đẩy mạnh, triển khai có hiệu quả các chương trình hỗ trợ, giải quyết nhà ở cho các nhóm đối tượng gặp khó khăn về chỗ ở; thực hiện nghiêm túc chủ trương tiết kiệm nguồn lực, đất đai trong phát triển nhà ở, nhất là ở các đô thị.

b) Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng tuổi thọ và chất lượng dân số, tăng cường phát triển thể chất con người Việt Nam. Phân đấu để mọi người dân được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Đặc biệt coi trọng công tác y tế dự phòng để giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm, suy dinh dưỡng, bệnh mãn tính. Có chính sách mở rộng và nâng cấp các tuyến y tế tỉnh, huyện góp phần giảm tải cho tuyến Trung ương.

c) Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, vừa phát huy các giá trị tốt đẹp và truyền thống văn hóa dân tộc, vừa tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại. Hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam về ý thức chấp hành pháp luật, về lối sống, phẩm chất, năng lực sáng tạo, năng lực hội nhập, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung.

d) Hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách về quản lý hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản nhằm thực hiện tốt công tác thông tin đối nội, đối ngoại, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm thông tin trung thực, kịp thời và đúng định hướng.

d) Bảo đảm các quyền của trẻ em, phát triển toàn diện thanh niên Việt Nam. Xây dựng và thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2011-2020; triển khai thực hiện tốt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015, Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

e) Bảo đảm bình đẳng giới trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

g) Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo quy định của pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy những giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo, động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

h) Kiểm soát chặt chẽ, tiến tới đẩy lùi tệ nạn ma túy, mại dâm. Tổ chức thực hiện tốt Chiến lược Quốc gia phòng, chống ma túy ở Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015.

#### **7. Tập trung bảo đảm trật tự an toàn giao thông, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn**

Các ngành, các cấp triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ, quyết liệt, nhằm ngăn chặn có hiệu quả tình trạng vi phạm trật tự an toàn giao thông, kiểm chế và giảm thiểu tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông. Triển khai thực hiện các giải pháp đột phá, ưu tiên phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Khẩn trương xây dựng hệ thống vận tải hành khách công cộng đô thị từng bước đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, đồng thời áp dụng các giải pháp khác về tổ chức, phân luồng, hạn chế phương tiện cá nhân...

Tiếp tục kiểm chế tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí, phấn đấu giảm từ 5% - 10% số vụ tai nạn, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông hàng năm; từng bước cải thiện tình trạng ùn tắc giao thông tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, giảm tối đa các vụ ùn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút.

Phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông và xây dựng văn hoá giao thông đến từng phường, xã, khu dân cư.

## **8. Bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó có hiệu quả với tình trạng biến đổi khí hậu**

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Sử dụng, quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng. Từng bước lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường; củng cố và từng bước hiện đại hoá mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường. Xây dựng và triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2015. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật, chiến lược về bảo vệ tài nguyên và môi trường. Ban hành các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, tăng cường tính pháp lý của cảnh sát môi trường trong các luật để ngăn chặn việc khai thác lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Giải quyết triệt để các vấn đề môi trường bức xúc, các điểm nóng về môi trường. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường như các công trình xử lý nước tập trung, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại.

Đổi mới căn bản, toàn diện cơ chế quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản, bảo đảm khai thác theo quy hoạch, chú trọng hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng. Chấm dứt việc khai thác để xuất khẩu quặng thô. Dừng việc khai thác, thu hồi giấy phép khai thác trong các trường hợp không đáp ứng các yêu cầu trên.

## **9. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; mở rộng, nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại; tích cực và chủ động hội nhập quốc tế**

a) Tăng cường các biện pháp phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc và dự báo đúng tình hình, chủ động xử lý các tình huống, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Nâng cao tiềm lực và thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, bảo đảm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cả ở đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo, các địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, lãnh thổ, trong công tác quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án; quan tâm đặc biệt đến vùng

sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, quan tâm đầu tư cho hải quân, phòng không, không quân, lực lượng an ninh, tình báo, cảnh sát cơ động.

b) Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Triển khai đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm trọng điểm các hoạt động đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, góp phần phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Thực hiện có trách nhiệm các cam kết quốc tế. Phát huy vai trò và huy động nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

#### **10. Chú trọng cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, gắn cải cách hành chính với cải cách tư pháp; triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, trong đó chú trọng đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và người dân. Đổi mới tổ chức và phương thức vận hành của bộ máy nhà nước phù hợp với những yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp của các cơ quan hành chính nhà nước. Phân định rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở từng cấp; thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng và phù hợp. Triển khai mạnh mẽ việc chuyên những công việc cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận. Đẩy mạnh việc triển khai Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc xác định vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức (kể cả các chức danh lãnh đạo, quản lý). Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ công chức, nhất là đội ngũ công chức trực tiếp tham gia xây dựng, hoạch định chính sách, công chức lãnh đạo, công chức trực tiếp tổ chức thực hiện chính sách kinh tế - xã hội ở các địa phương, cơ sở; xây dựng cơ cấu công chức gắn với vị trí việc làm; thực hiện mạnh mẽ chế độ chức nghiệp việc làm. Tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức.

Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng; tăng cường biện pháp phòng ngừa ngăn chặn, đẩy lùi hành vi tham nhũng. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện chấn chỉnh, xử lý kịp thời các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật của các tổ chức, cá nhân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo và những bức xúc của nhân dân.



## Phần thứ hai

### TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của bộ, ngành, địa phương mình trong cả nhiệm kỳ và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ của kế hoạch hàng năm; tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong suốt nhiệm kỳ của Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm có báo cáo đánh giá gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể trong Chương trình hành động này, các bộ, ngành, địa phương chủ động báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



**Phụ lục**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**  
**NHIỆM KỲ 2011-2016**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 06 /NQ-CP  
ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ)

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
	<b>Bộ Công an</b>	
1.	Chiến lược phát triển công nghiệp an ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030	2012
2.	Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm đến năm 2020	2012
3.	Đề án tăng cường tiềm lực cho lực lượng Công an nhân dân đến năm 2016	2012
4.	Đề án trang bị máy bay trực thăng cho lực lượng công an nhân dân	2012
5.	Đề án phát triển an ninh kinh tế	2013
6.	Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ công tác bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội	2013
7.	Đề án thực hiện Chương trình đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội (bao gồm nhiệm vụ tăng cường hợp tác quốc tế đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự xã hội)	2013
	<b>Bộ Công thương</b>	
8.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
9.	Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020	2012
10.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2006/NĐ-CP của Chính phủ về thương mại điện tử	2012
11.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2004/NĐ-CP về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn	2012
12.	Nghị định về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	2013
13.	Quy hoạch chi tiết thăm dò, khai thác và chế biến quặng phóng xạ	2012
14.	Quy hoạch địa điểm kho LNG trên phạm vi cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2014
15.	Quy hoạch hệ thống sản xuất và phân phối thép	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
16.	Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng bauxite đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
17.	Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
18.	Quy hoạch phát triển các hệ thống logistics trên phạm vi cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012-2014
19.	Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
20.	Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	2014
21.	Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại và hệ thống giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc đến năm 2020	2012-2014
22.	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp giấy đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2012
23.	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	2014
24.	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2012
25.	Quy hoạch phát triển ngành dầu khí đến 2025, tầm nhìn đến năm 2035	2014
26.	Quy hoạch phát triển ngành kỹ nghệ thực phẩm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
27.	Quy hoạch phát triển ngành luyện kim màu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013
28.	Quy hoạch phát triển ngành than đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
29.	Quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	2014
30.	Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp theo vùng lãnh thổ đến năm 2020	2012-2013
31.	Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển vùng trồng cây nguyên liệu thuốc lá đến năm 2020	2012
32.	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng than Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
33.	Quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng gió đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013
34.	Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam-Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 (bao gồm Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam-Cam-pu-chia)	2012-2013

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
35.	Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam-Lào đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 (bao gồm Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam-Lào)	2012-2013
36.	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp da giày đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2015
37.	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sữa đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2015
38.	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành dầu thực vật đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2015
39.	Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành rượu - bia - nước giải khát đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2014
40.	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững	2015
41.	Chương trình quốc gia về phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất	2013
42.	Đề án đàm phán, ký kết FTA với Khu vực mậu dịch tự do (gồm Thụy sỹ, Na Uy, Lit-ten-xơ-tên, Ai-xơ-len)	2012
43.	Đề án đàm phán, ký kết FTA với Liên minh châu Âu (EU)	2012
44.	Đề án đàm phán, ký kết FTA với Liên minh hải quan (gồm Nga, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan)	2012-2013
45.	Đề án đàm phán Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU	2012
46.	Đề án đàm phán Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh thuế quan (gồm Nga, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan)	2012
47.	Đề án đàm phán tham gia Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP)	2012
48.	Đề án đẩy mạnh tham gia mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước; xây dựng thương hiệu hàng hóa và dịch vụ Việt Nam	2013
49.	Đề án đẩy mạnh xuất khẩu và xúc tiến đầu tư sang các nước châu Mỹ (như Mỹ, Ca-na-đa, Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Pa-na-ma, Mê-hi-cô, Cuba)	2012
50.	Đề án phát triển các khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị)-Đen Sa Vẳn (tỉnh Savanakheth), Tây Trang (Điện Biên)-Pang Hốc (tỉnh Phongsaly) và Bờ Y (Kon Tum)-Phu Cưa (tỉnh Attapu) đã được thỏa thuận tại các hiệp định của hai Chính phủ Việt Nam - Lào	2012-2013
51.	Đề án phát triển khoa học công nghệ về chế biến sâu, sử dụng hợp lý và hiệu quả quặng apatit Việt Nam	2013
52.	Đề án phát triển thương mại miền núi và hải đảo	2013
53.	Đề án quản lý thương mại biên giới	2013



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
54.	Đề án quốc gia về phát triển thương mại điện tử đến năm 2020	2013
55.	Đề án thành lập nhóm công tác liên Bộ về WTO và đàm phán Đô-ha trong khuôn khổ Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế	2012
56.	Đề án triển khai Chương trình Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trên môi trường trực tuyến	2012
57.	Đề án xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều hành mới cho hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2012-2015	2012
58.	Đề án xây dựng hệ thống chỉ tiêu cảnh báo nhằm nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo thị trường hàng hóa	2013
59.	Đề án xuất khẩu hàng Việt Nam trực tiếp vào các chuỗi siêu thị tại châu Âu	2013
60.	Kế hoạch đàm phán các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam giai đoạn 2012-2015	2012
61.	Bộ lập trường quốc gia về đàm phán vòng Đô-ha và tham gia WTO	2012
	<b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>	
62.	Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020	2012
63.	Nghị định thay thế Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 về Đại học Quốc gia	2012
64.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học	2012-2013
65.	Nghị định về giáo dục thể chất và thể thao trường học	2012
66.	Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012-2015	2012
67.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng	2012
68.	Đề án xây dựng xã hội học tập đến năm 2020; đề án xóa mù chữ đến năm 2020	2012
69.	Đề án phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020	2012
70.	Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013-2015	2013
71.	Đề án di dời một số trường đại học và cao đẳng từ nội thành thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đến các khu quy hoạch	2012
72.	Đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước	2012
73.	Đề án xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đến năm 2020	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
74.	Đề án đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015	2012
	<b>Bộ Giao thông vận tải</b>	
75.	Chiến lược bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2012
76.	Nghị định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch	2012
77.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo tiêu chuẩn Euro 3, 4, 5	2012
78.	Đề án sửa đổi Hiệp định đường sắt Việt Nam - Trung Quốc	2012
79.	Đề án ký kết Hiệp định về đi lại tự do tại khu vực cửa sông Bắc Luân	2012
	<b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>	
80.	Dự án Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
81.	Dự án Luật đầu tư công, mua sắm công và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
82.	Dự án Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
83.	Dự án Luật sửa đổi Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
84.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thống kê 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
85.	Chiến lược phát triển doanh nghiệp nhà nước đến năm 2020	2014
86.	Chiến lược phát triển xanh	2012
87.	Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020	2012
88.	Nghị định hướng dẫn một số điều Luật Hợp tác xã (sửa đổi)	2012
89.	Nghị định về tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác	2012
90.	Nghị định về thành lập mới, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu	2012
91.	Nghị định về quản lý, giám sát các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đặc biệt quan trọng	2012
92.	Nghị định về lập và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
93.	Nghị định về kế hoạch đầu tư trung hạn	2012
94.	Nghị định thay thế Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp	2014
95.	Nghị định thay thế Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích	2012
96.	Nghị định thay thế Nghị định 131/2006/NĐ-CP về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA	2012
97.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế	2012
98.	Nghị định về công tác dự báo	2012
99.	Nghị định hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất	2012
100.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 61/NĐ-CP của Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư về nông nghiệp, nông thôn	2012
101.	Nghị định sửa đổi Nghị định 78/2006/NĐ-CP quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài	2012
102.	Nghị định sửa đổi Nghị định 101/2006/NĐ-CP quy định về việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2013
103.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu	2012
104.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động Kiểm toán viên công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu	2012
105.	Các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2012-2015	2013
106.	Đề án xây dựng cơ chế đối tác công tư (PPP) trong các dịch vụ môi trường	2012-2013
107.	Đề án xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể	2012
108.	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước	2012
109.	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hẹp bất bình đẳng xã hội, đảm bảo phát triển bền vững	2014

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
110.	Kế hoạch 5 năm, 10 năm triển khai mô hình tập đoàn kinh tế và tổ chức sắp xếp lại các tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để hình thành những tổng công ty nhà nước mạnh, có vị trí, vai trò quan trọng, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực	2012
111.	Tổng kết thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc nghèo có đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010 và xây dựng chính sách giai đoạn 2012-2015	2012
112.	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng lãnh thổ, các vùng kinh tế trọng điểm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020	2012
113.	Điều chỉnh quy hoạch phát triển Khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020	2012
114.	Đề án thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	2012
115.	Đề án thành lập Tập đoàn kinh tế tư nhân	2012
116.	Đề án tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường (hàng hoá, tài chính, chứng khoán, bất động sản, lao động, khoa học, công nghệ)	2012
117.	Đề án tăng cường năng lực cho cơ quan đầu mối triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	2012
118.	Đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn các Khu kinh tế ven biển có điều kiện phát triển thuận lợi để tập trung nguồn lực hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tạo động lực phát huy sớm các tiềm năng, thế mạnh của các vùng kinh tế	2012
119.	Đề án rà soát hiện trạng và các giải pháp phân cấp quản lý đầu tư công trong thời gian tới	2012
120.	Đề án quy định quyền sở hữu nhà gắn với quyền sử dụng đất của cá nhân, tổ chức nước ngoài	2012
121.	Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và phát triển kinh tế biển thích ứng biến đổi khí hậu	2013
122.	Đề án phát triển kinh tế - xã hội các địa bàn đặc biệt khó khăn quốc gia	2013
123.	Đề án phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng có ý nghĩa đối với cả nước và liên kết trong khu vực	2012
124.	Đề án những giải pháp thu hút các dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có chất lượng	2012



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
125.	Đề án nghiên cứu và xây dựng chính sách về chống chuyển giá, tránh thuế, trốn thuế	2012
126.	Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập	2012
127.	Đề án đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế	2012
128.	Đề án đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty; cải tiến phương thức cổ phần hóa	2013
129.	Đề án đổi mới công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển quốc gia và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường	2012
130.	Đề án đổi mới công tác kế hoạch ở các cấp	2012
131.	Đề án đánh giá tổng thể tình hình đầu tư nước ngoài của Việt Nam thời gian qua và định hướng chính sách đến năm 2020 (công nghệ, lao động, môi trường, thuế, ưu đãi đầu tư ...)	2012
132.	Đề án chủ trương phát triển dự án Khu du lịch quy mô lớn có Casino tại Phú Quốc, Kiên Giang	2012
133.	Đề án chính sách phát triển vùng	2013
134.	Đề án cải cách thể chế và tăng cường phối hợp và điều hành kinh tế vĩ mô đến năm 2020	2012
135.	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam	2013-2014
136.	Đề án nghiên cứu thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện quyền chủ sở hữu tại doanh nghiệp	2013
137.	Đề án xây dựng bộ chỉ số tổng hợp tình hình hoạt động của Tập đoàn, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nhằm nâng cao khả năng quản lý, giám sát	2012
138.	Báo cáo rà soát, tổng hợp các đề án tái cơ cấu và nâng cao chất lượng tăng trưởng nền kinh tế	2012
139.	Báo cáo đánh giá tổng thể tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam sau 05 năm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới	2012
140.	Đề án về cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương trong quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài	2012
141.	Sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Bộ, ngành	2012
142.	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2012-2015	2012
143.	Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam	2012
144.	Xây dựng chính sách phổ biến thông tin thống kê	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
145.	Thành lập Trường Đại học Thống kê - Kinh tế và Đầu tư trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Thống kê	2013
146.	Tham gia đàm phán các quy định về mua sắm Chính phủ thuộc Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP	2012
147.	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể 5 năm (giai đoạn 2012-2016)	2012
148.	Chuẩn bị các nội dung, thủ tục cần thiết để Việt Nam tham gia với tư cách quan sát viên của Hiệp định Mua sắm Chính phủ trong WTO (GPA)	2012
	<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>	
149.	Dự án Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
150.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
151.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyên giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
152.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
153.	Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Việt Nam đến năm 2020	2012
154.	Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa	2012
155.	Hoàn thiện khung pháp lý về bảo đảm an toàn bức xạ, hạt nhân phục vụ triển khai dự án điện hạt nhân	2012-2015
156.	Đề án xây dựng một số Viện nghiên cứu trọng điểm đầu ngành và một số trường đại học nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế	2012
157.	Đề án xây dựng các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghệ cao	2012
158.	Đề án xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và đánh giá chất lượng quốc gia; nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt chuẩn mực quốc tế, đặc biệt chú trọng đến tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm	2012
	<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội</b>	
159.	Dự án Bộ luật Lao động (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
160.	Dự án Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012-2013
161.	Dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
162.	Dự án Luật tiền lương tối thiểu và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
163.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012-2013
164.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
165.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
166.	Dự án Pháp lệnh ưu đãi người có công (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
167.	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật người khuyết tật	2012
168.	Nghị định quy định chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc cho công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các lĩnh vực của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	2012
169.	Nghị định quy định điều kiện, thủ tục và chính sách trợ giúp gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em bị bỏ rơi và trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp	2012
170.	Nghị định quy định về cơ sở hỗ trợ, chế độ hỗ trợ và trình tự thủ tục hỗ trợ đối với nạn nhân bị mua bán	2012
171.	Nghị định quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động	2014
172.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm	2012
173.	Nghị định thay thế Nghị định 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội	2013
174.	Nghị định thay thế Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội	2012
175.	Chiến lược an sinh xã hội đến năm 2020	2012
176.	Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020	2012
177.	Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2020	2012
178.	Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2012-2015	2012
179.	Chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em giai đoạn 2012-2015	2012
180.	Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2016	2012
181.	Đề án chăm sóc và phát huy người cao tuổi đến năm 2020	2012
182.	Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy	2013

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
183.	Đề án hệ thống an sinh xã hội cho dân cư nông thôn đến năm 2020	2012
184.	Đề án nâng cao năng lực Thanh tra Lao động – Thương binh và Xã hội	2012
185.	Đề án trợ giúp người khuyết tật đến năm 2020	2012
186.	Đề án về chính sách hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị tim bẩm sinh	2012
187.	Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2015	2012
188.	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2012-2015	2012
189.	Quyết định quy định mức trợ cấp xã hội và cơ chế chi trả trực tiếp cho học sinh - sinh viên	2012
190.	Đề án ban hành Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp ngoài nhà nước	2012
191.	Đề án nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	2012
192.	Đề án tìm kiếm, quy tập, xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin	2012
193.	Đề án tổng thể về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công đến năm 2020	2012
194.	Đề án và Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới và phát triển dạy nghề	2012
195.	Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 55-CT/TW của Bộ Chính trị (Khóa VIII) và dự thảo Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em đến năm 2020	2012
196.	Chỉ thị về công tác an toàn, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	2012
197.	Chỉ thị về đào tạo đội ngũ lao động tay nghề cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước	2012
198.	Chỉ thị về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thay thế Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 22/9/1998 của Bộ Chính trị)	2012
199.	Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn	2012
	<b>Bộ Ngoại giao</b>	
200.	Dự án Luật Biên Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
201.	Nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế	2012
202.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 157/2006/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Ngoại giao	2013



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
203.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao	2012
204.	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam	2012
205.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong và ngoài nước (sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam)	2012
206.	Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 1326/CT-TTg ngày 27/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai 03 văn kiện về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc	2015
207.	Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 157/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế độ đối với cán bộ nhân viên công tác nhiệm kỳ tại các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài	2015
208.	Các đề án kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với Campuchia; 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực Nga - SNG; 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với Anh, Phần Lan, Pháp, Đức, Áo và Ai-xơ-len, 45 năm với Thụy Điển; 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với LB Nga	2012-2015
209.	Đề án phụ cấp ưu đãi ngành Ngoại giao hoặc Lương gắn với hàm ngoại giao (sau khi Chính phủ hoàn thành Đề án cải cách chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công)	2016
210.	Đề án Chiến lược hợp tác toàn diện Việt Nam - Mi-an-ma giai đoạn 2012 - 2020	2012
211.	Đề án đàm phán đối tác chiến lược với Mỹ	2012
212.	Đề án đàm phán phân định vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam - In-đô-nê-xia	2012
213.	Đề án đàm phán với Trung Quốc về phân định khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ	2012
214.	Đề án gia nhập Công ước La-hay 1961 về miễn hợp pháp hóa đối với giấy tờ công	2012
215.	Đề án nâng cấp quan hệ với một số nước Đông Nam Á (bao gồm In-đô-nê-xia, Xin-ga-po, Ma-lai-xia, Phi-lip-pin, Thái Lan)	2012
216.	Đề án nâng cấp quan hệ với Pháp lên Đối tác chiến lược	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
217.	Đề án nghiên cứu đề xuất, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 (tiến hành sau khi thông qua bản Hiến pháp sửa đổi)	2014
218.	Đề án quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc đến năm 2020	2012
219.	Đề án tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc	2012
220.	Đề án tham gia của Việt Nam tại UNESCO trong 5 năm tới	2012
221.	Đề án tham gia làm thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2013-2016)	2013
222.	Đề án tham gia Ủy ban Kinh tế - xã hội Liên hợp quốc ECOSOC (2016-2018)	2015
223.	Đề án thành lập cơ chế Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - EU theo PCA	2014
224.	Đề án thành lập Viện Nghiên cứu Biển Đông trực thuộc Học viện Ngoại giao	2012
225.	Đề án thiết lập quan hệ với Tổ chức Hợp tác Thượng Hải	2012
226.	Đề án thúc đẩy hợp tác trên biển với Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a	2012
227.	Các đề án tổ chức các hoạt động Năm hữu nghị Việt - Nhật (2013); tổ chức Năm Việt Nam tại Pháp và Năm Pháp tại Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (2013)	2012
228.	Đề án tổ chức sự kiện Ngoại giao Văn hóa nhân dịp năm tròn, năm chẵn thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trong năm 2013, 2014	2012
229.	Đề án tổng kết 5 năm thực hiện Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007	2012
230.	Đề án tổng thể về các vấn đề Biển Đông	2012
231.	Đề án Việt Nam ứng cử vào Ủy ban Di sản thế giới (WHC)	2013
232.	Định hướng chiến lược hợp tác Việt Nam - Châu Phi đến năm 2020	2012
233.	Định hướng Quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc	2013
234.	Dự án xây dựng hồ sơ và cơ sở dữ liệu di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài	2012
235.	Tổ chức Hội nghị hợp tác phi tập trung Việt Nam - Pháp	2013
	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
236.	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ nông nghiệp, nông thôn đến năm 2030	2012
237.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 200/2004/NĐ-CP về sắp xếp đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
238.	Đề án tập trung ruộng đất quốc gia, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp	2013
239.	Đề án rà soát và phát triển giống cây trồng và giống vật nuôi quốc gia	2013
240.	Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản quốc gia	2013
241.	Đề án phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống diêm dân	2012
242.	Đề án khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy, hải sản và phát triển đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển	2013
243.	Đề án chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với các đối tác kinh tế khác trong nông nghiệp, nông thôn	2012
244.	Đề án chính sách giao khoán rừng tự nhiên, rừng sản xuất và rừng phòng hộ	2012
245.	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2013 - 2020	2012
246.	Rà soát và phát triển hệ thống thủy lợi; tưới tiêu và đê sông, đê biển và các công trình ngăn mặn và xả lũ quốc gia; tiếp tục thực hiện xây dựng công trình phòng chống thiên tai và các khu neo đậu tàu thuyền	2013
<b>Bộ Nội vụ</b>		
247.	Dự án Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
248.	Dự án Luật về Hội và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
249.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
250.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành	Theo lộ trình sửa đổi Hiến pháp năm 1992
251.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
252.	Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Viên chức	2012
253.	Chiến lược phát triển ngành nội vụ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035	2012-2015
254.	Chiến lược xây dựng, phát triển đội ngũ công chức đến năm 2020	2012
255.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ	2012
256.	Nghị định sửa đổi, bổ sung (hoặc thay thế) Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04/10/2005 của Chính phủ quy định tổ chức làm công tác thi đua khen thưởng	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
257.	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện	2012
258.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách	2012
259.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 quy định về danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức	2012
260.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân các cấp	
261.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội theo yêu cầu của Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 10/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ	2012
262.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen	2012
263.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 của Chính phủ ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan	
264.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	
265.	Nghị định thay thế Nghị định 178/2007/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ	2012
266.	Nghị định thay thế Nghị định số 148/2007/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện	2012
267.	Nghị định thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo	2012
268.	Nghị định thống nhất tên gọi bằng tiếng Việt các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm và một số đối tượng địa lý khác trên vùng biển Việt Nam	2012
269.	Nghị định về chế độ tiên cử người có tài năng trong hoạt động công vụ	2012



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
270.	Nghị định về phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ với người có tài năng trong hoạt động công vụ	2012
271.	Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra nội vụ	2012
272.	Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ban cán sự Đảng Bộ với Lãnh đạo Bộ; với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, các Ban của Trung ương Đảng và các Tỉnh ủy, Thành ủy	2012
273.	Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ban Cán sự Đảng Chính phủ với Thường trực Chính phủ với các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, các Ban của Trung ương Đảng và các Tỉnh ủy, Thành ủy.	2013
274.	Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức, cấp xã	2015
275.	Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức	2012
276.	Đề án bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức trẻ ở cấp xã	2013
277.	Đề án đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ ưu tú trưởng thành từ thực tiễn để bổ sung vào các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cấp trên cơ sở kết quả triển khai Dự án 600 Phó Chủ tịch xã	2014
278.	Đề án hỗ trợ nhân rộng triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại tại UBND cấp huyện đến 2015	2012
279.	Đề án kiện toàn tổ chức các đơn vị và đội ngũ làm công tác dự báo; chế độ tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ đối với đội ngũ công chức làm công tác dự báo	2012-2015
280.	Đề án thu hút trí thức trẻ có trình độ đại học tình nguyện về xây dựng nông thôn mới	2013
281.	Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá sự phát triển của thanh niên Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	2015
282.	Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2012-2020	2012
283.	Đề án chính sách cho cán bộ về công tác ở địa bàn khó khăn	2012
284.	Đề án chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn	2012
285.	Đề án Công giáo thực hiện đường hướng gắn bó đồng hành cùng dân tộc	2012
286.	Đề án công tác quản lý, tổ chức và hoạt động của Hội đoàn người Hoa	2012
287.	Đề án đổi mới công tác thi đua khen thưởng	2012
288.	Đề án một số giải pháp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ hệ thống chính trị cơ sở vùng núi phía Bắc giai đoạn 2012-2015	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
289.	Đề án nghiên cứu Hồi giáo và văn hóa Hồi giáo	2012
290.	Đề án nghiên cứu tổng thể về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương Việt Nam giai đoạn 2012-2015	2015
291.	Đề án sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và Việt Nam đến năm 2020	2012
292.	Đề án thí điểm đổi mới phương pháp tuyển chọn, đề bạt lãnh đạo cấp phòng, cấp vụ	2012
293.	Đề án thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị	2012
294.	Đề án thí điểm mở rộng việc bố trí Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Chánh thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành Công an, Tài chính, Thuế, Hải quan... không phải là người địa phương	2014
295.	Đề án thí điểm thực hiện chế độ thực tập và tập sự lãnh đạo quản lý	2013
296.	Đề án tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức	2014
297.	Đề án về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp	2012
298.	Đề án về việc ban hành khuôn khổ pháp lý để hình thành tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế	2012-2015
299.	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính	2015
300.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước	2012
301.	Quyết định về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, công chức lãnh đạo	2012
302.	Tổng kết bước 2 thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường	2012
303.	Các đề án thực hiện Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới	2012-2015
<b>Bộ Quốc phòng</b>		
304.	Chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong quân đội giai đoạn 2012- 2020	2012
305.	Chiến lược tổng thể về biên giới quốc gia	2012
306.	Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2009/NĐ-CP ngày 01/01/2009 của Chính phủ về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với người làm công tác cơ yếu	2012
307.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc thù cho một số lĩnh vực trong ngành cơ yếu	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
308.	Quy hoạch tổng thể phát triển ngành cơ yếu Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	2012
309.	Quy hoạch xây dựng và phát triển ngành công nghiệp tên lửa	2012
310.	Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch hệ thống đồn, trạm Biên phòng	2012
311.	Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm, cứu nạn	2012
312.	Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng	2012
313.	Đề án cải cách chính sách tiền lương trong Quân đội	2012
314.	Đề án đầu tư kỹ thuật nghiệp vụ trình sát biên phòng, nâng cao hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia giai đoạn 2012-2015	
315.	Đề án hoàn thiện quy hoạch hệ thống nhà trường trong Quân đội đến năm 2020	2012
316.	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe quân và dân khu vực biên giới giai đoạn 2012-2025	2012
317.	Đề án nâng cao hiệu quả đấu tranh ngăn chặn tiền giả qua biên giới	
318.	Đề án nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ biên giới đến năm 2020	2012
319.	Đề án Quân đội tham gia giảm nghèo bền vững thời kỳ đến năm 2020	
320.	Đề án quy hoạch tổng thể các khu kinh tế quốc phòng trên đất liền và trên biển đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025	2012
321.	Đề án tổng thể về đóng mới tàu thuyền, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng cho các Hải đoàn, Hải đội, đồn, trạm biên phòng tuyến biển	2012
322.	Đề án về chế độ ưu đãi nghề và chế độ phụ cấp đối với một số đối tượng trong Quân đội; chế độ, chính sách đối với lực lượng làm nhiệm vụ tại căn cứ quân sự Cam Ranh, lực lượng mới	2012
323.	Đề án về cơ chế huy động nguồn lực từ quỹ đất quốc phòng chuyển đổi mục đích sử dụng cho đầu tư xây dựng tiềm lực quốc phòng	2012
324.	Dự án xây dựng lực lượng Cảnh sát biển đến năm 2020	2012
	<b>Bộ Tài chính</b>	
325.	Dự án Luật Kiểm toán độc lập và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
326.	Dự án Luật quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
327.	Dự án Luật Dự trữ quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
328.	Dự án Luật phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
329.	Dự án Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	
330.	Dự án Luật thuế xuất nhập khẩu (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
331.	Dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
332.	Dự án Luật Hải quan (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
333.	Dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
334.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
335.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
336.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
337.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
338.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
339.	Nghị quyết của UBTVQH về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng chịu thuế, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng	2014-2015
340.	Chiến lược tài chính đến năm 2020	2012
341.	Chiến lược phát triển thị trường vốn đến 2020	2012
342.	Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2020	2012
343.	Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2020	2012
344.	Chiến lược phát triển ngành hải quan	2012
345.	Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020	2012
346.	Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2012
347.	Nghị định về chính sách bảo hiểm nông nghiệp	2014
348.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm	2012
349.	Đề án về thành lập Quỹ đầu tư hạ tầng cơ sở gắn với các giải pháp tài chính thúc đẩy hình thức đầu tư PPP	2012
350.	Đề án về quản lý vốn đầu tư gián tiếp	2012
351.	Đề án về giao dịch chứng khoán phái sinh	2012



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
352.	Đề án về định hướng tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh casino, trò chơi có thưởng và việc cho phép người Việt Nam chơi; đề xuất chủ trương về việc xây dựng Pháp lệnh hoặc Luật về kinh doanh trò chơi giải trí có thưởng	2014
353.	Tổng kết tình hình và công tác quản lý nợ công giai đoạn 2006-2010 và mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công đến năm 2015	2012
354.	Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện (2006-2011) Nghị định 130/2006/NĐ-CP; đề xuất sửa đổi, thay thế Nghị định 130/2006/NĐ-CP	2012
355.	Tổng kết đánh giá Quyết định 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN; từ đó điều chỉnh chính sách đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách tài chính phù hợp theo từng lĩnh vực cụ thể	2012
356.	Đề án tăng cường cơ sở vật chất và phát triển mô hình cơ quan quản lý nợ công chuyên nghiệp hiện đại	2016
357.	Đề án tái cơ cấu nợ trái phiếu quốc tế của Chính phủ	2012
358.	Đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán và các công ty chứng khoán	2012
359.	Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước	2012
360.	Đề án phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội trong việc thu thuế thu nhập cá nhân và thu các khoản bảo hiểm của người lao động	2015
361.	Đề án nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia	2012
362.	Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công nhằm tăng cường tính minh bạch, khả năng kiểm soát và giám sát nợ	2014
363.	Đề án định giá tài sản nhà nước	2012
364.	Chương trình quản lý nợ trung hạn 3 năm liên kế	2012-2016
	<b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b>	
365.	Dự án Luật đo đạc và bản đồ và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014-2015
366.	Dự án Luật Khí tượng thủy văn và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012-2014
367.	Dự án Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012-2013
368.	Dự án Luật đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012-2013
369.	Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013-2014

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
370.	Dự án Luật tài nguyên nước (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
371.	Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020	2012
372.	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng biển và hải đảo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
373.	Nghị định về cơ chế phối hợp để quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo	2015
374.	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản	2012
375.	Đề án xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá chất lượng môi trường quốc gia	2013
376.	Đề án xây dựng và thực hiện Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu quốc gia, nhất là nước biển dâng và sa mạc hóa	2013
377.	Đề án đẩy mạnh ứng dụng và phát triển các công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng sạch	2013
378.	Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia 5 năm 2016-2020	2015
	<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b>	
379.	Dự án Luật Xuất bản (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
380.	Dự án Luật An toàn thông tin số và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
381.	Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2020	2012
382.	Nghị định đánh giá quản lý an toàn thông tin số trong các cơ quan nhà nước	2012
383.	Nghị định sửa đổi một số điều Nghị định 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác	2012
384.	Nghị định thay thế Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet	2012
385.	Nghị định về thông tin đối ngoại	2014
386.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành các danh mục các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia	2012
387.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách đầu tư có tính ưu đãi đối với hoạt động xuất bản	2012
388.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thiết lập và hoạt động của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước	2012
389.	Quy hoạch mạng lưới đại diện các cơ quan thông tấn báo chí Việt Nam ở nước ngoài	2012
390.	Quy hoạch phát thanh và truyền hình đối ngoại ở Việt Nam đến năm 2020	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
391.	Quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh truyền hình tại Việt Nam đến năm 2020.	2012
392.	Quy hoạch phát triển ngành xuất bản, in, phát hành sách đến năm 2020	2012
393.	Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020	2012
394.	Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia	2013
395.	Đề án tổ chức họp trực tuyến từ Trung ương đến cấp xã, phường	2012
396.	Đề án xây dựng hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia	2013
397.	Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo đến năm 2015	2012
398.	Chương trình phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng	2012
399.	Đề án đào tạo chuyên gia an toàn thông tin cho cơ quan Chính phủ và hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia	2013
400.	Đề án nâng cao năng lực quản lý nội dung thông tin trên Internet	2012
401.	Đề án phát thanh truyền hình qua mạng Internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2012 - 2015	2012
	<b>Bộ Tư pháp</b>	
402.	Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh hàng năm (triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh toàn khóa XIII của Quốc hội)	
403.	Đề xuất của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp	2013
404.	Dự án Bộ luật Dân sự (sửa đổi)	2014
405.	Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi)	2014
406.	Dự án Luật Bán đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
407.	Dự án Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất) và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
408.	Dự án Luật chứng thực và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
409.	Dự án Luật Đăng ký giao dịch bảo đảm và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
410.	Dự án Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012-2013
411.	Dự án Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
412.	Dự án Luật Phổ biến giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
413.	Dự án Luật sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành	2016

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
414.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Trưng trợ tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành	2016
415.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
416.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
417.	Dự án Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
418.	Dự án Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
419.	Dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung các pháp lệnh liên quan đến thủ tục hành chính (thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Đề án 30)	2012
420.	Chiến lược phát triển ngành tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2012
421.	Chiến lược phát triển hoạt động lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
422.	Nghị định sửa đổi Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch	2012
423.	Nghị định sửa đổi Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 về quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài	2012
424.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký	2012
425.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/2/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm	2012
426.	Nghị định thay thế Nghị định số 78/2008/NĐ-CP về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật	2012-2013
427.	Nghị định thay thế Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp	2012
428.	Nghị định về hoạt động dịch thuật trong lĩnh vực chứng thực	2012
429.	Nghị định về theo dõi thi hành pháp luật	2012
430.	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 74/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự	2012
431.	Quy hoạch tổng thể phát triển các tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020	2012
432.	Báo cáo của Chính phủ về tổng kết thi hành Hiến pháp năm 1992	2012



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
433.	Đề án giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng	2012
434.	Đề án nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Tư pháp	2012
435.	Đề án nghiên cứu khả năng gia nhập Hội nghị La-hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài	2012
436.	Đề án nghiên cứu khả năng gia nhập Hội nghị La-hay về tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp	2013
437.	Đề án nghiên cứu khả năng gia nhập Hội nghị La-hay về tư pháp quốc tế	2012
438.	Đề án tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức pháp chế các bộ, ngành địa phương theo Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020	2012
439.	Đề án thành lập hiệp hội công chứng toàn quốc	2013
440.	Đề án thi tuyển quốc gia đào tạo nguồn các chức danh tư pháp	2012
441.	Đề án thực hiện Công ước La-hay số 33 ngày 29/5/1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con quốc tế	2012
442.	Đề án thực hiện thí điểm thừa phát lại tại một số địa phương (ngoài thành phố Hồ Chí Minh)	2012
443.	Đề án tiêu chí xác định văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN	2012
444.	Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp	2012 - 2013
445.	Xây dựng các đề án cơ sở dữ liệu quốc gia Lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy và dữ liệu điện tử	2012
446.	Đề án vai trò, thủ tục để Bộ Tư pháp tham gia, đại diện cho Chính phủ trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế mà Chính phủ Việt Nam là một bên	2012
447.	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam để thực hiện Hiến chương và các văn kiện ASEAN	2013
448.	Đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tập trung tại cấp tỉnh	2014
	<b>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	
449.	Dự án Luật Quảng cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
450.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
451.	Dự án Luật Thư viện và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
452.	Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản phục hồi, tu bổ di tích	2012
453.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 149/2007/NĐ-CP ngày 09/10/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch	2012
454.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch	2012
455.	Nghị định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn	2012
456.	Nghị định về quản lý mỹ thuật	2012
457.	Quy hoạch (điều chỉnh) bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Côn Đảo	2012
458.	Quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020	2012
459.	Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đến năm 2030	2012
460.	Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020	2012
461.	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2012
462.	Quy hoạch tổng thể và chính sách hỗ trợ phát triển các cơ sở văn hóa vui chơi, giải trí cho trẻ em đến năm 2020	2012
463.	Chương trình hành động quốc gia về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp giai đoạn 2012-2020	2012
464.	Đề án bảo tồn giá trị di sản văn hóa phi vật thể thế giới Không gian văn hóa cồng chiêng	2012
465.	Đề án các hình thức lưu niệm, tưởng niệm danh nhân	2012
466.	Đề án đăng cai tổ chức Đại hội thể thao Châu Á lần thứ 18 năm 2019 tại Việt Nam	2012
467.	Đề án đăng cai tổ chức SEA Games tại thành phố Hồ Chí Minh	2012
468.	Đề án đào tạo huấn luyện viên và trọng tài thể thao đến năm 2020	2012
469.	Đề án đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao	2013
470.	Đề án phát triển du lịch quốc gia, trong đó hình thành một số trung tâm du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế	2013
471.	Đề án phát triển khoa học, công nghệ và y học thể thao đến năm 2020	2012
472.	Đề án thành lập trung tâm văn hóa Việt Nam tại Campuchia, Nhật Bản, Nga và Hoa Kỳ	2012
473.	Đề án tổ chức Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII năm 2014	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
474.	Đề án tổ chức Đại hội thể thao bãi biển Châu Á lần thứ V năm 2016 tại Việt Nam	2012
475.	Đề án về hoạt động du lịch ứng phó với biến đổi khí hậu	2012
	<b>Bộ Xây dựng</b>	
476.	Dự án Luật Đô thị và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
477.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
478.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành	2015
479.	Dự án Luật sửa đổi Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn thi hành	2013
480.	Quy hoạch HTKT (cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn) 3 lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và sông Đồng Nai	
481.	Nghị định quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư	2012
482.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2005/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 23/2003/QH11 và Nghị quyết số 755/2005/UBTVQH11 quy định giải quyết một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo XHCN trước ngày 01/7/1991	2012
483.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý hạ tầng kỹ thuật; quản lý và phát triển nhà và công sở	2012
484.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị	2012
485.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng	2012
486.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn	2012
487.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp	2012
488.	Nghị định thay thế Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
489.	Nghị định về cải tạo, xây dựng lại nhà ở chung cư, nhà ở tập thể và khu dân cư để thực hiện chỉnh trang đô thị theo quy hoạch (thay thế Nghị quyết số 34/2007/NQ-CP)	2012
490.	Nghị định về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo cấp phép	2012
491.	Nghị định về khuyến khích đầu tư phát triển nhà ở thuộc trách nhiệm Nhà nước theo hợp đồng xây dựng - chuyển giao	2012
492.	Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở cho thuê	2012
493.	Nghị định về quản lý chất lượng công trình xây dựng (thay thế Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và số 49/2008/NĐ-CP)	2012
494.	Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị (thay thế Nghị định 02/2006/NĐ-CP)	2012
495.	Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (thay thế các Nghị định 12/2009/NĐ-CP và 83/2009/NĐ-CP)	2012
496.	Nghị định về quản lý và lưu trữ thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản	2012
497.	Nghị định về Quỹ quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	2012
498.	Nghị định về thanh tra xây dựng (thay thế Nghị định số 46/2005/NĐ-CP)	2012
499.	Định hướng phát triển cây xanh đô thị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	
500.	Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới đến năm 2015	2012
501.	Đề án khuyến khích đầu tư và xây dựng các công trình văn hoá, cơ sở phúc lợi xã hội tại các khu công nghiệp tập trung	2012
502.	Đề án Chiến lược phát triển đô thị xanh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2012
503.	Đề án nâng cao năng lực quản lý hợp đồng xây dựng do WB tài trợ	2012
504.	Đề án cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng nhà ở cho người lao động tại khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	2012
505.	Đề án điều chỉnh định hướng kiến trúc Việt Nam	2012
506.	Đề án đổi mới cơ chế quản lý xây dựng và tổ chức thực hiện	2012
507.	Đề án đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ quy hoạch phát triển đô thị; thí điểm xây dựng chính quyền đô thị	2013
508.	Đề án hỗ trợ nâng cao điều kiện an toàn nhà ở cho các khu vực thường xuyên có lũ lụt tại các tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	2012
509.	Đề án quản lý xây dựng, sử dụng các công trình tín ngưỡng, tôn giáo	2012



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
510.	Đề án nâng cao chất lượng các công trình xây dựng	2012
511.	Đề án nâng cao chất lượng đầu tư, hiệu quả quản lý nhà nước và định hướng đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản đến năm 2020	2012
512.	Đề án nâng cao năng lực quản lý kinh tế trong đầu tư xây dựng	2013
513.	Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu	2012
514.	Đề án phát triển nhà ở xã hội phục vụ các nhóm đối tượng có thu nhập thấp khó khăn về nhà ở	2012
515.	Đề án Quỹ tiết kiệm nhà ở	2012
516.	Đề án xây dựng cơ chế chính sách cho công tác hòa táng	2012
517.	Tiếp tục tổ chức thực hiện Điều chỉnh định hướng hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2011-2020; Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn 2009-2020	2012
518.	Quy hoạch phát triển ngành gốm sứ - thủy tinh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2012
519.	Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng đến năm 2020	2012
520.	Sửa đổi một số quy định về phát triển nhà ở công vụ, về quản lý nhà chung cư, các quy định về nhà ở biệt thự tại đô thị, về quản lý chất lượng nhà ở riêng lẻ, các quy định về tài chính nhà ở... của Luật Nhà ở năm 2005	2013-2015
	<b>Bộ Y tế</b>	
521.	Dự án Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
522.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
523.	Dự án Luật về Máu và tế bào gốc và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
524.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
525.	Chiến lược phát triển ngành dược đến năm 2020 và tầm nhìn 2030	2012
526.	Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2012-2015	2012
527.	Nghị quyết của Bộ Chính trị về thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân	2012
528.	Kế hoạch thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân	2012
529.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá	2012
530.	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
531.	Nghị định quy định về các đơn vị sự nghiệp y tế công lập ở địa phương	2012
532.	Nghị định quy định về đấu thầu thuốc	2012
533.	Nghị định quy định việc hướng dẫn điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	2012
534.	Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình	2012
535.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	2013
536.	Nghị định thay thế Nghị định số 12/2003/NĐ-CP ngày 12/2/2003 về sinh con theo phương pháp khoa học	2014
537.	Nghị định thay thế Nghị định số 21/2006/NĐ-CP ngày 27/2/2006 về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ	2013
538.	Nghị định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	2012
539.	Nghị định về quản lý phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	2013
540.	Nghị định về quản lý thực phẩm chức năng	2012
541.	Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế	2012
542.	Nghị định về trang thiết bị y tế	2014
543.	Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tác hại của thuốc lá	2012
544.	Chiến lược phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
545.	Quy hoạch chi tiết phát triển công nghiệp dược đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
546.	Quy hoạch phát triển hệ thống y tế Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	2012
547.	Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
548.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách quốc gia về phòng, chống tác hại của lạm dụng bia, rượu	2012
549.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách Dược quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2012
550.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xây mới, nâng cấp và đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện y học cổ truyền tuyến tỉnh	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
551.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	2012
552.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình	2012
553.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức nhân lực và chế độ chính sách đối với viên chức y tế công tác tại trạm y tế xã, phường, thị trấn	2012
554.	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2012-2015	2012
555.	Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012-2015	2012
556.	Đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh đến năm 2020	2012
557.	Đề án chuyển trường Đại học Y Thái Nguyên thuộc Trường Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Y - Dược Huế thuộc Đại học Huế về trực thuộc Bộ Y tế	2012
558.	Đề án đầu tư, nâng cấp hệ thống các cơ sở đào tạo nhân lực y tế giai đoạn 2012-2015	2012
559.	Đề án đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao	2012
560.	Đề án đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; đổi mới, hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh và viện phí	2013
561.	Đề án đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình	2013
562.	Đề án giảm tải bệnh viện	2012
563.	Đề án hoàn chỉnh hệ thống dự báo, phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng (bao gồm phát triển hệ thống bệnh viện và trung tâm y tế dự phòng)	2013
564.	Đề án kiểm soát an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu	2012
565.	Đề án nâng cao năng lực Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2014
566.	Đề án sản xuất trang thiết bị y tế trong nước	2013
567.	Đề án thí điểm điều trị theo nhu cầu bằng kỹ thuật tiên tiến	2012
568.	Đề án thí điểm việc kéo dài thời gian công tác đối với cán bộ nhân viên ngành y tế đã đến độ tuổi nghỉ hưu	2013

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
569.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút cán bộ về công tác, sinh viên theo học tại ở một số chuyên khoa đặc biệt (Lao, phong, tâm thần, y tế dự phòng, pháp y, pháp y tâm thần...)	2012
570.	Đề án xây dựng chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với cán bộ quản lý y tế và cán bộ y tế	2013
571.	Chương trình nghiên cứu triển khai, ứng dụng những yếu tố chủ yếu tác động đến thể lực, tâm vóc người Việt Nam và Chương trình chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe, chất lượng dân số có liên quan thuộc Đề án tổng thể phát triển thể lực, tâm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030	2013
572.	Đề án y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao	2012
573.	Kế hoạch dự trữ lưu thông thuốc quốc gia giai đoạn 2012-2015	2012
574.	Xây dựng hệ thống cảnh báo nhanh nguy cơ về an toàn thực phẩm ở Việt Nam	2012
	<b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	
575.	Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi và các văn bản hướng dẫn thi hành	2013
576.	Dự án Luật Phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
577.	Dự án Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh Ngoại hối 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2012
578.	Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2020	2012
579.	Nghị định quy định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng	2012
580.	Nghị định quy định điều kiện để công ty tài chính hoạt động ngân hàng	2012
581.	Chiến lược về công tác phòng chống rửa tiền giai đoạn 2012-2015	2012
582.	Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020	2012
583.	Đề án công khai, minh bạch hệ thống ngân hàng thương mại	2012
584.	Đề án tăng cường hiệu quả hoạt động của các ngân hàng chính sách	2015
	<b>Thanh tra Chính phủ</b>	
585.	Dự án Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014
586.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra	2012
587.	Nghị định về hoạt động thanh tra chuyên ngành	2012



STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
588.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại	2012
589.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tố cáo	2012
590.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng	2014
591.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng	2014
592.	Nghị định về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị	2012
593.	Nghị định về việc ban hành Quy chế tiếp công dân (thay thế Nghị định 89/CP ngày 07/8/1997)	2012
594.	Nghị định về xử lý vi phạm hành chính trong công tác thanh tra	2012
595.	Nghị định về các biện pháp bảo đảm công tác thanh tra	2012
596.	Nghị định quy định việc cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của các cơ qua nhà nước	2015
597.	Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra nhân dân	2015
598.	Nghị định quy định về các biện pháp bảo vệ người tố cáo	2013
599.	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ	2012
600.	Nghị định thay thế Nghị định số 68/2001/NĐ-CP và Nghị định số 37/2007/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập	2012
601.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp để thực thi Công ước quốc tế về chống tham nhũng, tham gia hội nghị quốc gia thành viên Công ước theo các chương trình quốc tế	2012
602.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý tình trạng khiếu nại, tố cáo đông người	2012
603.	Đề án phòng chống tham nhũng, lãng phí và nghiên cứu kết hợp tổ chức và hoạt động thanh tra với tổ chức và hoạt động kiểm tra của Đảng	2012
	<b>Ủy ban Dân tộc</b>	
604.	Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
605.	Nghị định xử phạt hành chính về lĩnh vực công tác dân tộc	2012
606.	Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc	2012
607.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2006/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thanh tra công tác Dân tộc	2012
608.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quyết định 32/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn	2012
609.	Quyết định của Thủ tướng về chính sách đặc thù đối với cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc	2012
610.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư hỗ trợ ổn định dân cư với đồng bào dân tộc thiểu số di cư tự do	2012
611.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn	2012
612.	Đề án thành lập Học viện Dân tộc gắn với đào tạo nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi	2012
613.	Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ cho các hộ cận nghèo, các hộ đã thoát nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2016 để đảm bảo thoát nghèo bền vững	2012
614.	Đề án xây dựng bảng danh mục xác định tộc danh các dân tộc thiểu số Việt Nam, kiến nghị thẩm quyền công bố danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam	2015
615.	Đề án tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2018	2012
616.	Đề án tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số lần thứ 2 cấp địa phương	2014
617.	Đề án tăng cường hợp tác với các nhà tài trợ quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, miền núi	2012
618.	Đề án phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc và miền núi đến năm 2020	2012
619.	Đề án khuyến khích thu hút các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đầu tư phát triển vào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	2012
620.	Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc ít người đến năm 2020	2012
621.	Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo cao: Mảng, La Hù, Cống, Cơ Lao	2012

STT	Cơ quan chủ trì và nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành
622.	Chương trình phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015	2012
623.	Đề án chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn có nhiều núi đá, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai nặng nề	2012
624.	Đề án chính sách bảo tồn, phát triển ngành nghề truyền thống cho các vùng dân tộc và miền núi	2012
625.	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân tộc	2015
626.	Xây dựng bộ tiêu chí phân định vùng dân tộc và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2012-2015	2012
	<b>Văn phòng Chính phủ</b>	
627.	Nghị định sửa đổi Nghị định 33/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ	2012
628.	Quy chế làm việc của Chính phủ nhiệm kỳ XIII	2012
629.	Báo cáo chỉ đạo điều hành và chương trình công tác của Chính phủ 6 tháng đầu năm, cả năm	hàng năm
630.	Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ tại các kỳ họp Quốc hội	hàng năm
	<b>Bảo hiểm xã hội Việt Nam</b>	
631.	Chiến lược phát triển bảo hiểm xã hội Việt Nam	2012
632.	Đề án tổng thể về thực hiện Bảo hiểm y tế toàn dân theo Luật Bảo hiểm y tế	2013
	<b>Đài Tiếng nói Việt Nam</b>	
633.	Quy hoạch phát triển Đài Tiếng nói Việt Nam đến năm 2020	2012
	<b>Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh</b>	
634.	Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiền bổ nhiệm và hậu bổ nhiệm cho hệ thống chính trị và các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước	2012-2016
	<b>Thông tấn xã Việt Nam</b>	
635.	Nghị định sửa đổi Nghị định 24/2008/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam	2012
	<b>Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam</b>	
636.	Triển khai thực hiện Chiến lược nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ đến năm 2020	Đến năm 2015
	<b>Viện Khoa học xã hội Việt Nam</b>	
637.	Đề án khai thác tài liệu Hán Nôm và tài liệu tiếng nước ngoài có liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông	2012